

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2024

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO CỦA THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2024 - ĐỢT 2

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
1	503001	Đỗ Thị Ái	Nữ	05/11/1996	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	7,67	7,67	
2	503086	Phan Tổ Loan	Nữ	02/08/1989	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	7,33	7,33	
3	503139	Nguyễn Văn Sang	Nam	06/01/1995	Chuyên khoa I	Chẩn đoán hình ảnh	7,5	7,5	
4	504064	Đoàn Duy Tân	Nam	28/10/1995	Chuyên khoa I	Chấn thương chỉnh hình	5,92	5,92	
5	504066	Trần Bảo Thạch	Nam	15/10/1996	Chuyên khoa I	Chấn thương chỉnh hình	6,75	6,75	
6	506028	Lê Hồng Hạnh	Nữ	12/07/1992	Chuyên khoa I	Da liễu	7,67	7,67	
7	506052	Vũ Hà Liễu	Nữ	09/12/1995	Chuyên khoa I	Da liễu	8,17	8,17	
8	509019	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	22/07/1972	Chuyên khoa I	Dinh dưỡng	3,67	3,67	
9	512043	Phạm Tiến Năng	Nam	20/01/1995	Chuyên khoa I	Gây mê hồi sức	7,5	7,5	
10	503001	Đỗ Thị Ái	Nữ	05/11/1996	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,08	9,08	
11	503086	Phan Tổ Loan	Nữ	02/08/1989	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,08	9,08	
12	504064	Đoàn Duy Tân	Nam	28/10/1995	Chuyên khoa I	Giải phẫu	4,33	4,33	
13	504066	Trần Bảo Thạch	Nam	15/10/1996	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,25	9,25	
14	533002	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	04/05/1997	Chuyên khoa I	Giải phẫu	4,67	4,67	
15	534001	Nguyễn Gia Bảo	Nam	20/08/1996	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,58	9,58	
16	535018	Nguyễn Quang Huy	Nam	27/12/1994	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,17	9,17	
17	554022	Ngô Thanh Phát	Nam	08/02/1992	Chuyên khoa I	Giải phẫu	7,58	7,58	
18	554025	Tạ Hồng Phúc	Nam	26/02/1989	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,33	9,33	
19	554045	Đàm Thúy Hồng Ngọc Xuân	Nữ	31/01/1989	Chuyên khoa I	Giải phẫu	8,67	8,67	
20	558146	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	14/05/1993	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,25	9,25	
21	558147	Phạm Nguyễn Nguyên Thảo	Nữ	02/03/1995	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,25	9,25	
22	558201	Nguyễn Thị Lan Vi	Nữ	16/03/1995	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9	9	
23	562034	Trần Thị Hoàng Uyên	Nữ	01/01/1994	Chuyên khoa I	Giải phẫu	3,25	3,25	
24	577036	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	01/09/1996	Chuyên khoa I	Giải phẫu	5,92	5,92	
25	577059	Nguyễn Thiên Uy	Nam	10/11/1993	Chuyên khoa I	Giải phẫu	6,5	6,5	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
26	578009	Tô Văn Trường Đạt	Nam	19/05/1995	Chuyên khoa I	Giải phẫu	8,5	8,5	
27	578012	Nguyễn Minh Đức	Nam	22/11/1996	Chuyên khoa I	Giải phẫu	8,58	8,58	
28	578040	Phan Tuấn Nam	Nam	14/11/1993	Chuyên khoa I	Giải phẫu	7,92	7,92	
29	578051	Kiều Minh Rin	Nam	01/01/1991	Chuyên khoa I	Giải phẫu	9,25	9,25	
30	566003	Đinh Khắc Thành Đô	Nam	26/10/1983	Chuyên khoa I	Hóa hữu cơ	4,75	4,75	
31	566013	Phạm Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	13/09/1983	Chuyên khoa I	Hóa hữu cơ	4,83	4,83	
32	520007	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	08/03/1996	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	7	7	
33	520051	Phan Ngọc Đăng Khoa	Nam	21/05/1994	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	7,5	7,5	
34	520058	Huỳnh Minh Luân	Nam	30/07/1995	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	6,67	6,67	
35	520062	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	28/12/1995	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	7,83	7,83	
36	520104	Nguyễn Trọng Tuệ	Nam	26/05/1995	Chuyên khoa I	Hồi sức cấp cứu	6,92	6,92	
37	528004	Lê Văn Chính	Nam	20/01/1993	Chuyên khoa I	Lão khoa	7,5	7,5	
38	528018	Hà Tôn Minh Hoàng	Nam	06/02/1995	Chuyên khoa I	Lão khoa	8	8	
39	528031	Nguyễn Huyền My	Nữ	11/12/1995	Chuyên khoa I	Lão khoa	7,75	7,75	
40	577036	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	01/09/1996	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	5,92	5,92	
41	577059	Nguyễn Thiên Uy	Nam	10/11/1993	Chuyên khoa I	Ngoại khoa	6,25	6,25	
42	532018	Đặng Xuân Quyền	Nam	10/01/1995	Chuyên khoa I	Ngoại lồng ngực	7	7	
43	533002	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ	04/05/1997	Chuyên khoa I	Ngoại nhi	7,92	7,92	
44	534001	Nguyễn Gia Bảo	Nam	20/08/1996	Chuyên khoa I	Ngoại niệu	6,42	6,42	
45	534004	Phạm Hùng Cường	Nam	16/06/1996	Chuyên khoa I	Ngoại niệu	6,5	6,5	
46	578009	Tô Văn Trường Đạt	Nam	19/05/1995	Chuyên khoa I	Ngoại thần kinh	7,08	7,08	Đã cộng điểm ưu tiên
47	578012	Nguyễn Minh Đức	Nam	22/11/1996	Chuyên khoa I	Ngoại thần kinh	6,25	6,25	
48	578040	Phan Tuấn Nam	Nam	14/11/1993	Chuyên khoa I	Ngoại thần kinh	6,83	6,83	Đã cộng điểm ưu tiên
49	578051	Kiều Minh Rin	Nam	01/01/1991	Chuyên khoa I	Ngoại thần kinh	5	5	
50	535018	Nguyễn Quang Huy	Nam	27/12/1994	Chuyên khoa I	Nhãn khoa	6,33	6,33	
51	535050	Võ Hồng Tín	Nam	19/09/1986	Chuyên khoa I	Nhãn khoa	4,5	4,5	
52	546020	Tạ Hoàng Anh Chúc	Nữ	13/11/1994	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,17	6,17	
53	546055	Phạm Trung Hiếu	Nam	02/01/1997	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,5	6,5	
54	546064	Trịnh Thị Lan Hương	Nữ	28/02/1995	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,5	6,5	
55	546085	Trần Bửu Linh	Nữ	29/07/1993	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,67	6,67	
56	546108	Nguyễn Tri Nghĩa	Nam	01/01/1995	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,67	6,67	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
57	546179	Nguyễn Mai Ngọc Trâm	Nữ	17/08/1996	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,92	6,92	
58	546208	Trần Ân Vũ	Nam	09/11/1996	Chuyên khoa I	Nhi khoa	6,58	6,58	
59	549007	Hồ Ngọc Phương Anh	Nữ	18/06/1996	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,75	7,75	
60	549019	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	28/11/1995	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,33	7,33	
61	549032	Đinh Quốc Cường	Nam	09/04/1995	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,5	7,5	
62	549136	Trần Văn Mỹ	Nam	29/05/1994	Chuyên khoa I	Nội khoa	6,5	6,5	
63	549235	Trần Nguyên Thông	Nam	21/02/1995	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,83	7,83	
64	549254	Trần Nữ Thùy	Nữ	22/02/1993	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,42	7,42	
65	549307	Trần Thị Tường Vi	Nữ	10/01/1995	Chuyên khoa I	Nội khoa	7,25	7,25	
66	551028	Nguyễn Đức Trường Minh	Nam	19/12/1994	Chuyên khoa I	Nội tiết	8,33	8,33	Đã cộng điểm ưu tiên
67	551050	Nguyễn Yến Thanh	Nam	13/02/1994	Chuyên khoa I	Nội tiết	7,75	7,75	
68	551054	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	21/05/1993	Chuyên khoa I	Nội tiết	7,58	7,58	
69	551055	Trần Thanh Thơm	Nữ	05/09/1994	Chuyên khoa I	Nội tiết	7,58	7,58	
70	554023	Nguyễn Thành Phát	Nam	12-08-1992	Chuyên khoa I	Phẫu thuật tạo hình TT và TM	7,33	7,33	
71	554025	Tạ Hồng Phúc	Nam	26/02/1989	Chuyên khoa I	Phẫu thuật tạo hình TT và TM	7,75	7,75	
72	554045	Đàm Thúy Hồng Ngọc Xuân	Nữ	31/01/1989	Chuyên khoa I	Phẫu thuật tạo hình TT và TM	7,5	7,5	
73	558034	Nguyễn Thanh Duy	Nam	26/04/1994	Chuyên khoa I	Sản phụ khoa	7,08	7,08	
74	558086	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	04/08/1998	Chuyên khoa I	Sản phụ khoa	7,42	7,42	
75	558146	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	14/05/1993	Chuyên khoa I	Sản phụ khoa	7,75	7,75	
76	558147	Phạm Nguyễn Nguyên Thảo	Nữ	02/03/1995	Chuyên khoa I	Sản phụ khoa	7,67	7,67	
77	558189	Thái Mạnh Trung	Nam	04/02/1995	Chuyên khoa I	Sản phụ khoa	7,42	7,42	
78	506017	Trần Anh Đức	Nam	20/11/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,42	8,42	
79	506052	Vũ Hà Liễu	Nữ	09/12/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	9	9	
80	509014	Châu Hoàng Phi	Nam	21/12/1982	Chuyên khoa I	Sinh lý	4,83	4,83	
81	509019	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	22/07/1972	Chuyên khoa I	Sinh lý	4,42	4,42	
82	512043	Phạm Tiến Năng	Nam	20/01/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,42	8,42	
83	512064	Trần Văn Quỳnh	Nam	26/06/1994	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,92	8,92	
84	520007	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	08/03/1996	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,67	7,67	
85	520015	Võ Văn Cường	Nam	19/07/1993	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,08	8,08	
86	520045	Lê Đào Tuấn Huy	Nam	11/10/1992	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,42	8,42	
87	520058	Huỳnh Minh Luân	Nam	30/07/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,92	8,92	
88	520062	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	28/12/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	9	9	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
89	520104	Nguyễn Trọng Tuệ	Nam	26/05/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,33	7,33	
90	528018	Hà Tôn Minh Hoàng	Nam	06/02/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8	8	
91	528031	Nguyễn Huyền My	Nữ	11/12/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,67	7,67	
92	528064	Trần Nữ Tường Vi	Nữ	23/08/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,67	7,67	
93	546011	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	16/06/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,5	8,5	
94	546055	Phạm Trung Hiếu	Nam	02/01/1997	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,75	8,75	
95	546064	Trịnh Thị Lan Hương	Nữ	28/02/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,08	8,08	
96	546073	Phan Văn Khiêm	Nam	03/02/1992	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,5	7,5	
97	546085	Trần Bửu Linh	Nữ	29/07/1993	Chuyên khoa I	Sinh lý	6,5	6,5	
98	546108	Nguyễn Tri Nghĩa	Nam	01/01/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,08	8,08	
99	546179	Nguyễn Mai Ngọc Trâm	Nữ	17/08/1996	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,33	8,33	
100	546208	Trần Ân Vũ	Nam	09/11/1996	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,58	8,58	
101	549007	Hồ Ngọc Phương Anh	Nữ	18/06/1996	Chuyên khoa I	Sinh lý	9,17	9,17	
102	549019	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	28/11/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	9,5	9,5	
103	549032	Đinh Quốc Cường	Nam	09/04/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	9,42	9,42	
104	549235	Trần Nguyên Thông	Nam	21/02/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	9	9	
105	549254	Trần Nữ Thùy	Nữ	22/02/1993	Chuyên khoa I	Sinh lý	9	9	
106	551028	Nguyễn Đức Trường Minh	Nam	19/12/1994	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,42	8,42	
107	551050	Nguyễn Yến Thanh	Nam	13/02/1994	Chuyên khoa I	Sinh lý	9,5	9,5	
108	551054	Trần Thị Thu Thảo	Nữ	21/05/1993	Chuyên khoa I	Sinh lý	7,83	7,83	
109	551055	Trần Thanh Thơm	Nữ	05/09/1994	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,83	8,83	
110	564001	Nguyễn Thiên Ân	Nữ	05/07/1995	Chuyên khoa I	Sinh lý	8,67	8,67	
111	572014	Nguyễn Kim Ngân	Nữ	23/01/1992	Chuyên khoa I	Sinh lý	4,92	4,92	
112	563011	Châu Hoài Thương	Nam	01/01/1995	Chuyên khoa I	Tâm thần	3,67	3,67	
113	564001	Nguyễn Thiên Ân	Nữ	05/07/1995	Chuyên khoa I	Thần kinh	7,83	7,83	
114	604006	Nguyễn Hoàng Khôi	Nam	03/09/1976	Chuyên khoa II	Chấn thương chỉnh hình	3,33	3,33	
115	658003	Lê Hoàng Ngô Hưng	Nam	16/06/1992	Chuyên khoa II	Ngoại ngữ	4,83	4,83	
116	666001	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	23/02/1983	Chuyên khoa II	Ngoại ngữ	4,83	4,83	
117	635004	Hoàng Vĩnh Hà	Nữ	04/08/1984	Chuyên khoa II	Nhân khoa	4,83	4,83	
118	657006	Lê Thị Mỹ Tiên	Nữ	20/07/1981	Chuyên khoa II	Răng hàm mặt	3,92	3,92	
119	672002	Trần Quốc Cường	Nam	12/07/1988	Chuyên khoa II	Y học cổ truyền	5,83	5,83	
120	772007	Trần Diệu Hoàng	Nữ	19/02/2000	Nội trú	Lý luận Y học cổ truyền	8,5	8,5	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
121	716065	Nguyễn Đăng Hải	Nam	30/8/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,75	8,75	
122	716164	Huỳnh Nhật Mai	Nữ	20/11/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,25	8,25	
123	716189	Phan Thị Thanh Nhã	Nữ	15/03/1999	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,58	8,58	
124	716234	Nguyễn Trương Hoàng Quốc	Nam	26/05/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	7,58	7,58	
125	716247	Bùi Lê Nhật Tân	Nam	10/07/1999	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,83	8,83	
126	716268	Châu Thanh Thảo	Nữ	02/05/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	6,58	6,58	
127	716288	Nguyễn Tạ Hữu Thuyên	Nam	02/02/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	7,17	7,17	
128	716342	Nguyễn Đình Bá Vinh	Nam	25/12/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	4,42	4,42	
129	717032	Nguyễn Thế Danh	Nam	29/05/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,58	8,58	
130	717115	Trương Quang Kiệt	Nam	02/08/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,08	8,08	
131	717145	Nguyễn Thị Hoàng Na	Nữ	19/08/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	9,08	9,08	
132	717169	Mai Thanh Nhã	Nữ	01/02/2000	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	8,33	8,33	
133	717231	Phạm Ngọc Thanh Tâm	Nữ	17/10/1999	Nội trú	Môn 2(tổng hợp)	7,33	7,33	
134	716054	Dương Phương Duy	Nam	07/10/1999	Nội trú	Ngoại khoa	8	8	
135	716058	Lê Quỳnh Giang	Nữ	29/05/2000	Nội trú	Ngoại khoa	6,5	6,5	
136	716065	Nguyễn Đăng Hải	Nam	30/8/2000	Nội trú	Ngoại khoa	8,67	8,67	
137	716112	TRẦN CÔNG HUY	Nam	29/05/1998	Nội trú	Ngoại khoa	6,33	6,33	
138	716139	Huỳnh Vương Phúc Lâm	Nam	11/04/2000	Nội trú	Ngoại khoa	6,75	6,75	
139	716164	Huỳnh Nhật Mai	Nữ	20/11/2000	Nội trú	Ngoại khoa	8,58	8,58	
140	716189	Phan Thị Thanh Nhã	Nữ	15/03/1999	Nội trú	Ngoại khoa	7,92	7,92	
141	716234	Nguyễn Trương Hoàng Quốc	Nam	26/05/2000	Nội trú	Ngoại khoa	8,5	8,5	
142	716247	Bùi Lê Nhật Tân	Nam	10/07/1999	Nội trú	Ngoại khoa	7,42	7,42	
143	716268	Châu Thanh Thảo	Nữ	02/05/2000	Nội trú	Ngoại khoa	5,25	5,25	
144	716342	Nguyễn Đình Bá Vinh	Nam	25/12/2000	Nội trú	Ngoại khoa	4,17	4,17	
145	717032	Nguyễn Thế Danh	Nam	29/05/2000	Nội trú	Nhi khoa	5,58	5,58	
146	717053	Dương Quỳnh Giang	Nữ	27/05/2000	Nội trú	Nhi khoa	6,08	6,08	
147	717115	Trương Quang Kiệt	Nam	02/08/2000	Nội trú	Nhi khoa	6,83	6,83	
148	717145	Nguyễn Thị Hoàng Na	Nữ	19/08/2000	Nội trú	Nhi khoa	7,17	7,17	
149	717169	Mai Thanh Nhã	Nữ	01/02/2000	Nội trú	Nhi khoa	6,75	6,75	
150	717298	Phan Minh Triết	Nam	09/09/2000	Nội trú	Nhi khoa	6,83	6,83	
151	717022	Nguyễn Ngọc Cảnh	Nam	14/02/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	
152	717028	Võ Ngọc Xuân Đài	Nữ	27/11/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
153	717029	Nguyễn Kim Đan	Nữ	25/04/2000	Nội trú	Nội khoa	6	6	
154	717032	Nguyễn Thế Danh	Nam	29/05/2000	Nội trú	Nội khoa	6,42	6,42	
155	717053	Dương Quỳnh Giang	Nữ	27/05/2000	Nội trú	Nội khoa	6,75	6,75	
156	717062	Phan Nguyễn Minh Hạnh	Nữ	17/11/2000	Nội trú	Nội khoa	6,75	6,75	
157	717115	Trương Quang Kiệt	Nam	02/08/2000	Nội trú	Nội khoa	7,25	7,25	
158	717135	Lê Nhật Mai	Nữ	23/12/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	
159	717138	Nguyễn Thanh Minh	Nam	20/05/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	
160	717149	Phan Hồ Nam	Nam	13/05/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	
161	717157	Trần Thị Phương Ngân	Nam	15/05/2000	Nội trú	Nội khoa	6,75	6,75	
162	717167	Nguyễn Khánh Nguyên	Nữ	04/11/2000	Nội trú	Nội khoa	6,92	6,92	
163	717169	Mai Thanh Nhã	Nữ	01/02/2000	Nội trú	Nội khoa	7,17	7,17	
164	717190	Kha Hồng Nhung	Nữ	06/09/2000	Nội trú	Nội khoa	7,17	7,17	
165	717206	Lê Thị Phương	Nữ	17/01/2000	Nội trú	Nội khoa	6,92	6,92	
166	717252	Phạm Xuân Thế	Nam	15/04/2000	Nội trú	Nội khoa	6,33	6,33	
167	717298	Phan Minh Triết	Nam	09/09/2000	Nội trú	Nội khoa	6,83	6,83	
168	717302	Nguyễn Tú Trinh	Nữ	06/08/1999	Nội trú	Nội khoa	6,25	6,25	
169	772007	Trần Diệu Hoàng	Nữ	19/02/2000	Nội trú	Nội Y học cổ truyền	8,25	8,25	
170	716054	Dương Phương Duy	Nam	07/10/1999	Nội trú	Sản phụ khoa	7,33	7,33	
171	716058	Lê Quỳnh Giang	Nữ	29/05/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,5	4,5	
172	716065	Nguyễn Đăng Hải	Nam	30/8/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	7	7	
173	716112	TRẦN CÔNG HUY	Nam	29/05/1998	Nội trú	Sản phụ khoa	4,25	4,25	
174	716138	Phạm Bảo Duy Lam	Nữ	07/09/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,17	4,17	
175	716143	Lê Thị Phương Linh	Nữ	02/12/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	6,75	6,75	
176	716164	Huỳnh Nhật Mai	Nữ	20/11/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	7	7	
177	716217	Hoàng Thiên Phước	Nam	02/01/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	6,83	6,83	
178	716234	Nguyễn Trương Hoàng Quốc	Nam	26/05/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	6	6	
179	716247	Bùi Lê Nhật Tân	Nam	10/07/1999	Nội trú	Sản phụ khoa	6,42	6,42	
180	716268	Châu Thanh Thảo	Nữ	02/05/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,92	4,92	
181	716284	Huỳnh Minh Thư	Nữ	04/05/1999	Nội trú	Sản phụ khoa	6,42	6,42	
182	716292	Võ Thanh Tín	Nam	03/05/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	6	6	
183	716315	Trần Nguyên Trung	Nam	27/10/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,08	4,08	
184	716330	Trần Dương Tùng	Nam	14/05/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,67	4,67	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
185	716342	Nguyễn Đình Bá Vinh	Nam	25/12/2000	Nội trú	Sản phụ khoa	4,42	4,42	
186	272009	Lý Tâm Bảo	Nam	04/08/1996	Thạc sĩ	Bệnh học và kết hợp điều trị YHCT	7,92	7,92	
187	208040	Nguyễn Đức Bình Phước	Nam	24/10/2001	Thạc sĩ	Chăm sóc người lớn bệnh nội ngoại khoa	5,42	5,42	
188	208050	Lê Hoàng Thiện	Nam	15/02/1990	Thạc sĩ	Chăm sóc người lớn bệnh nội ngoại khoa	6,42	6,42	
189	203020	Phạm Thị Huyền	Nữ	09/03/1996	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	8,5	8,5	
190	203023	Bùi Huỳnh Công Khanh	Nam	09/11/1995	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	7,17	7,17	
191	203060	Lâm Lệ Quyên	Nữ	16/04/1999	Thạc sĩ	Chẩn đoán hình ảnh	8	8	
192	205015	Lê Bảo Minh	Nam	08/12/2000	Thạc sĩ	Công nghệ dược phẩm - bào chế	4,92	4,92	
193	209004	Bùi Thị Phương Linh	Nữ	20/09/1996	Thạc sĩ	Dinh dưỡng	7,58	7,58	
194	211129	Hồ Thị Mỹ Tiên	Nữ	08/10/1998	Thạc sĩ	Dược lý - dược lâm sàng	5,42	5,42	
195	203060	Lâm Lệ Quyên	Nữ	16/04/1999	Thạc sĩ	Giải phẫu	9,5	9,5	
196	204047	Dương Nguyễn Trọng Nhân	Nam	26/01/1998	Thạc sĩ	Giải phẫu	7,42	7,42	
197	258054	Lê Anh Khôi	Nam	27/04/1999	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,25	8,25	
198	262016	Lê Tuấn Hùng	Nam	14/11/2000	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,17	8,17	
199	262045	Bùi Minh Thái	Nam	15/05/1998	Thạc sĩ	Giải phẫu	7,25	7,25	
200	277016	Vũ Duy Huy	Nam	08/03/2000	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,08	8,08	
201	277044	Lê Quang Thái	Nam	21/03/1999	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,08	8,08	
202	278004	Nguyễn Phước Đức	Nam	04/12/1997	Thạc sĩ	Giải phẫu	9	9	
203	278016	Lê Quang	Nam	22/10/1995	Thạc sĩ	Giải phẫu	8,58	8,58	
204	210003	Nguyễn Thành Đạt	Nam	06/04/1997	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,58	4,58	
205	210008	Đặng Đức Huy	Nam	06/07/1998	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,75	4,75	
206	211049	Lê Xuân Huy	Nam	29/01/1998	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	5	5	
207	211129	Hồ Thị Mỹ Tiên	Nữ	08/10/1998	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	8	8	
208	266015	Võ Thị Trúc Linh	Nữ	15/05/1995	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,75	4,75	
209	266026	Trần Đình Phúc	Nam	27/12/2000	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	4,92	4,92	
210	223005	Đoàn Minh Ngọc	Nam	14/07/1990	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc	4,75	4,75	
211	223006	Tạ Hồng Ngọc	Nữ	16/09/1993	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc	4,83	4,83	
212	223007	Lê Nguyễn Ý Nhi	Nữ	07/08/1993	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc	4,75	4,75	

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
213	223010	Dương Phương Thảo	Nữ	26/09/1989	Thạc sĩ	Kiểm nghiệm thuốc và độc	4,75	4,75	
214	204047	Dương Nguyễn Trọng Nhân	Nam	26/01/1998	Thạc sĩ	Ngoại khoa	6,33	6,33	
215	277016	Vũ Duy Huy	Nam	08/03/2000	Thạc sĩ	Ngoại khoa	7	7	
216	277044	Lê Quang Thái	Nam	21/03/1999	Thạc sĩ	Ngoại khoa	7,17	7,17	
217	278004	Nguyễn Phước Đức	Nam	04/12/1997	Thạc sĩ	Ngoại khoa	7,17	7,17	
218	278016	Lê Quang	Nam	22/10/1995	Thạc sĩ	Ngoại khoa	7,58	7,58	
219	235006	Lê Cao Bách	Nam	30/09/1996	Thạc sĩ	Nhãn khoa	4,12	4,12	
220	235033	Đoàn Tú Nhi	Nữ	05/01/1999	Thạc sĩ	Nhãn khoa	4,9	4,9	
221	235051	Nguyễn Đỗ Minh Tuyên	Nam	11/11/1991	Thạc sĩ	Nhãn khoa	4,51	4,51	
222	246050	Hồ Thị Khánh Linh	Nữ	14/02/1997	Thạc sĩ	Nhi khoa	5,92	5,92	
223	246053	Phan Quốc Linh	Nam	20/02/1998	Thạc sĩ	Nhi khoa	6,25	6,25	
224	246055	Phạm Thảo Ly	Nữ	05/09/2000	Thạc sĩ	Nhi khoa	6,5	6,5	
225	206087	Nguyễn Duyên Phát	Nam	27/07/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	7,92	7,92	
226	228045	Nguyễn Hữu Lễ	Nam	03/01/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	7,25	7,25	
227	249102	Vưu Thị Ngọc Minh	Nữ	23/08/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	7,67	7,67	
228	249126	Lý Thị Huỳnh Nhung	Nữ	31/03/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	7,17	7,17	
229	249166	Trần Tấn Thiện	Nam	27/09/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	8,75	8,75	
230	249207	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	23/01/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	8,5	8,5	
231	249212	Nguyễn Thành Tuấn	Nam	20/02/1994	Thạc sĩ	Nội khoa	8,33	8,33	
232	249223	Tiêu Tường Vy	Nữ	07/02/1997	Thạc sĩ	Nội khoa	8,42	8,42	
233	264031	Hà Minh Thuận	Nam	11/10/1982	Thạc sĩ	Nội khoa	7,08	7,08	
234	264033	Đặng Lê Bảo Tiên	Nữ	15/01/1996	Thạc sĩ	Nội khoa	7,42	7,42	
235	264041	Trần Thị Bích Vân	Nữ	09/12/1995	Thạc sĩ	Nội khoa	7,25	7,25	
236	258009	Diệp Lý Bửu	Nam	15/02/1995	Thạc sĩ	Sản phụ khoa	6,5	6,5	
237	206047	Phạm Ngọc Hiểu	Nam	23/01/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,58	8,58	
238	206087	Nguyễn Duyên Phát	Nam	27/07/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	9	9	
239	206124	Đỗ Nguyễn Thu Thủy	Nữ	03/09/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8,25	8,25	
240	208040	Nguyễn Đức Bình Phước	Nam	24/10/2001	Thạc sĩ	Sinh lý	3,67	3,67	
241	208050	Lê Hoàng Thiện	Nam	15/02/1990	Thạc sĩ	Sinh lý	6,67	6,67	
242	209004	Bùi Thị Phương Linh	Nữ	20/09/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	4,67	4,67	
243	225029	Ngô Thảo Vân	Nữ	05/11/2001	Thạc sĩ	Sinh lý	4,75	4,75	
244	226010	Nguyễn Hoàng Dũng	Nam	16/12/2001	Thạc sĩ	Sinh lý	6,42	6,42	

Chào

STT	SBD	Họ tên	Giới	Ngày sinh	Bậc đào tạo	Môn thi	Điểm trước phúc khảo	Điểm phúc khảo	Ghi chú
245	228045	Nguyễn Hữu Lễ	Nam	03/01/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8,75	8,75	
246	246050	Hồ Thị Khánh Linh	Nữ	14/02/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	7,25	7,25	
247	246053	Phan Quốc Linh	Nam	20/02/1998	Thạc sĩ	Sinh lý	7,83	7,83	
248	246055	Phạm Thảo Ly	Nữ	05/09/2000	Thạc sĩ	Sinh lý	9,33	9,33	
249	249026	Võ Tấn Bình	Nam	16/03/1998	Thạc sĩ	Sinh lý	4,92	4,92	
250	249126	Lý Thị Huỳnh Nhung	Nữ	31/03/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,42	8,42	
251	249166	Trần Tấn Thiện	Nam	27/09/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,75	8,75	
252	249190	Đỗ Trần Mai Trâm	Nữ	17/10/1998	Thạc sĩ	Sinh lý	8,83	8,83	
253	249207	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	23/01/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,75	8,75	
254	249223	Tiêu Tường Vy	Nữ	07/02/1997	Thạc sĩ	Sinh lý	8,92	8,92	
255	264031	Hà Minh Thuận	Nam	11/10/1982	Thạc sĩ	Sinh lý	8,25	8,25	
256	264033	Đặng Lê Bảo Tiên	Nữ	15/01/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	8,67	8,67	
257	272009	Lý Tâm Bảo	Nam	04/08/1996	Thạc sĩ	Sinh lý	7,58	7,58	
258	262016	Lê Tuấn Hùng	Nam	14/11/2000	Thạc sĩ	Tai mũi họng	7,25	7,25	
259	262045	Bùi Minh Thái	Nam	15/05/1998	Thạc sĩ	Tai mũi họng	7,83	7,83	
260	268022	Trương Hoàng Bảo Trinh	Nữ	08/11/1991	Thạc sĩ	Ung thư	4,58	4,58	

Án định danh sách có 260 (Hai trăm sáu mươi) thí sinh đăng ký phúc khảo điểm thi tuyển sinh sau đại học năm 2024 - đợt 2.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quốc Đạt